

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-7-2020

V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tân An.

2. Ông Nguyễn Mai Độ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Nguyễn Thiên Tr**, sinh năm 1992. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số F, Khu vực T, phường P, quận R, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Trịnh Hữu B** và ông **Trần Văn A**, là Luật sư – Văn phòng Luật sư Lê Khanh, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. (ông B vắng mặt, ông A có mặt)

Bị đơn: Anh **Trịnh Văn T**, sinh năm 1987. (có mặt)

Địa chỉ: Số U, Khu vực Y, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/02/2020, nguyên đơn chị Lê Nguyễn Thiên Tr trình bày:

Vào năm 2016, chị và anh Trịnh Văn T sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ vào ngày 07/11/2016. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung Trịnh Hoàng Th (nam, sinh ngày 12/02/2019) và Trịnh Hoàng Kh (nam, sinh ngày 12/02/2019).

Cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T hạnh phúc từ khi cưới đến khi chị sinh con thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu về vấn đề kinh tế. Do chị mang thai đôi, nhằm đảm bảo cho sức khỏe của cả mẹ và con nên vợ chồng đã bàn bạc và thống nhất với nhau chọn sinh tại Bệnh viện phụ sản Cần Thơ. Tuy nhiên, sau khi chị sinh con xong thì anh T nghe lời gia đình cho rằng chi phí sinh con quá cao, anh T có những lời lẽ nhục mạ chị. Vào ngày đầy tháng của con, do có cãi vã nên anh T bỏ về quê ở phường Trường Lạc sinh sống đến nay. Trong thời gian qua, anh T không đến thăm và cũng không cấp dưỡng cho các con. Nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể chung sống với nhau nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trịnh Hoàng Th (nam, sinh ngày 12/02/2019) và Trịnh Hoàng Kh (nam, sinh ngày 12/02/2019) hiện chị đang nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Th và cháu Kh đến trưởng thành, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung với tổng số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Tại Bản tự khai ngày 04/3/2020, bị đơn anh Trịnh Văn T trình bày:

Anh thống nhất ý kiến với trình bày của chị Lê Nguyễn Thiên Tr về quá trình hôn nhân giữa anh và chị Tr. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ vấn đề chi phí sinh con. Công việc của anh là bán bánh mì, thu nhập không ổn định nhưng chị Tr và gia đình bên vợ tự ý chọn gói dịch vụ sinh con là 20.000.000 đồng mà không hề bàn bạc với anh. Sau khi sinh con, chị Tr về ở chung với mẹ ruột, khi con được 01 tháng thì anh rước chị Tr và con về thì gia đình chị Tr không đồng ý nên hai bên gia đình có cãi vã nhau. Sau đó, chị Tr cũng đồng ý quay về với anh. Đến tháng 4/2019, chị Tr về nhà cha mẹ ruột chơi rồi ở luôn cho đến nay. Anh đã nhiều lần tới rước vợ con về nhưng chị Tr không đồng ý, sau đó nộp đơn ly hôn với anh. Anh vẫn còn thương vợ con, nhưng do chị Tr cương quyết ly hôn nên anh đồng ý ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trịnh Hoàng Th (nam, sinh ngày 12/02/2019) và Trịnh Hoàng Kh (nam, sinh ngày 12/02/2019). Anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Th và cháu Kh đến trưởng thành, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị Tr được quyền nuôi 02 con chung thì anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa,

- Luật sư Trần Văn A trình bày quan điểm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, con dưới 36 tháng tuổi thì người mẹ được quyền nuôi dưỡng. Hiện

nay, chi phí nuôi 01 đứa trẻ nhỏ khoảng 3.000.000 đồng/tháng, chị Tr yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền cho mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng, tức là chỉ $\frac{1}{2}$ chi phí nuôi con là hợp lý. Căn cứ Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 và Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 thì mức lương tối thiểu tại khu vực Cần Thơ là 3.430.000 đồng/tháng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt.

- Bị đơn anh Trịnh Văn T đồng ý ly hôn với chị Tr, yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung đến trưởng thành. Trường hợp chị Tr được quyền nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi cháu số tiền 800.000 đồng/tháng, tổng số tiền cấp dưỡng nuôi cháu Th và cháu Kh là 1.600.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Nguyễn Thiên Tr và anh Trịnh Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên chị Tr khởi kiện ly hôn. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Nguyễn Thiên Tr có đơn yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh T tiến tới hôn nhân năm 2016, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Tr và anh T đều cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ vấn đề chi phí sinh con. Theo chị Tr, do muốn đảm bảo vấn đề sức khỏe nên đã bàn bạc với anh T để chọn gói dịch vụ sinh con phù hợp, trong khi anh T thì cho rằng mọi vấn đề liên quan đến việc sinh con đều do gia đình bên vợ quyết định mà không trao đổi với anh. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng nên chị Tr và anh T đã ly thân nhau từ đầu năm 2020 đến nay. Trong thời gian qua, anh T nhiều lần tới lui hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Tr không đồng ý và yêu cầu ly hôn. Anh T cũng đồng ý ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện pháp khắc phục, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị Tr đối với anh T là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Tr và anh T có 02 con chung tên Trịnh Hoàng Th (nam, sinh ngày 12/02/2019) và Trịnh Hoàng Kh

(nam, sinh ngày 12/02/2019) hiện chị Tr đang nuôi dưỡng. Chị Tr và anh T đều có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Th và cháu Kh đến trưởng thành.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Tính đến ngày xét xử (08/7/2020), cháu Th và cháu Kh chỉ hơn 16 tháng tuổi, và lại từ trước đến nay, chị Tr là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục ổn định cho chị Tr được nuôi dưỡng cháu Th và cháu Kh đến trưởng thành là phù hợp.

Mặc dù anh T không trực tiếp nuôi con nhưng pháp luật dành cho anh T quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản anh T thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị Tr yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, số tiền cho mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng, tổng số tiền cấp dưỡng nuôi 02 cháu là 3.000.000 đồng/tháng. Anh T chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con với tổng số tiền mỗi tháng là 1.600.000 đồng.

Trên cơ sở quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy chị Tr, anh T đều có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung, khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con và phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị Tr có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh T đồng ý nhưng giữa các đương sự còn đang tranh chấp với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, công việc hiện nay của anh T là buôn bán (bánh mì), không có bảng lương hàng tháng cụ thể, chị Tr thì không cung cấp được chứng cứ để chứng minh thu nhập của anh T. Do đó, cần phải xem xét đến thu nhập, khả năng thực tế của anh T, cũng như xem xét đến nhu cầu thiết yếu của con chung để quyết định mức cấp dưỡng nuôi con nhưng vẫn đảm bảo không dưới $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, anh T cho rằng chi phí tối thiểu để nuôi 01 đứa con dưới 36 tháng tuổi hiện nay khoảng 800.000 đồng/tháng. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, công việc buôn bán ở lề đường thu nhập không ổn định, bình quân mỗi tháng thu nhập của anh khoảng 2.400.000 đồng, ngoài ra anh không có nguồn thu nhập nào khác nên anh chỉ có khả năng cấp dưỡng nuôi 02 con chung tổng số tiền 1.600.000 đồng/tháng. Anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung tổng số tiền 3.000.000 đồng/tháng theo như yêu cầu của chị Tr.

Tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 quy định mức lương tối thiểu hiện nay là 1.490.000 đồng/tháng, như vậy $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu là 745.000 đồng. Do đó, căn cứ mức thu nhập của anh T cũng như nhu cầu thiết yếu cho mỗi con chung thì việc anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Th và cháu Kh mỗi cháu số tiền 800.000 đồng/tháng, tổng cộng là 1.600.000 đồng/tháng là phù hợp. Bắt đầu cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Th và cháu Kh trưởng thành.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan điểm của Luật sư và yêu cầu của chị Tr về việc buộc anh T cấp dưỡng nuôi con với tổng số tiền 3.000.000 đồng/tháng là chưa phù hợp nên chỉ được chấp nhận một phần.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr và anh T cùng xác định không có tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tr phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh T phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 5 và 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 107; 110; 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Nguyễn Thiên Tr.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Nguyễn Thiên Tr được ly hôn với anh Trịnh Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Trịnh Hoàng Th (nam, sinh ngày 12/02/2019) và Trịnh Hoàng Kh (nam, sinh ngày 12/02/2019) cho chị Lê Nguyễn Thiên Tr nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Anh Trịnh Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 800.000 đồng/tháng/cháu. Tổng số tiền anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Th và cháu Kh mỗi tháng là 1.600.000 đồng (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*). Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Th và cháu Kh trưởng thành.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản anh T thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr và anh T cùng xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lê Nguyễn Thiên Tr phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chi Tr đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 010796 ngày 03/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành án phí.

- Anh Trịnh Văn T phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND P. Phú Thứ, Q.Cái Răng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế